

# TRUYỆN CÁC BẬC CAO TĂNG ĐỜI TỔNG

## QUYỂN 7

### *1. Truyện Chí Viễn Chùa Hoa Nghiêm Ở Núi Ngũ Đài Đời Đường:*

Thích Chí Viễn họ Tống, nhà ở Nhữ Nam, cha mất sớm, chỉ nương cậy vào mẹ, loa âu ngày đêm, mẹ thường tụng kinh Pháp Hoa, chỉ thông được năm quyển. Viễn hiểu biết hơn người, năm hai mươi tám tuổi xuất gia theo thầy, quy y Hà Trạch tông phong, ngộ giải được ý chỉ sâu kín, kinh doanh tăng sự liên miên suốt sáu năm. Việc trao ra nhận vào không hề lẫn lộn, từ đấy đi tìm thầy học lễ, lại trải qua tám năm, tuy biết rộng về hai tông nhưng tình vẫn còn gắn với nhau. Nghe tông Thiên Thai gồm hiểu thông diệu lý. Định Tuệ song dung giải tiến đối với hành. Cảnh quán thập thừa khởi từ một nhà, tu tánh ba đức mát mẻ thịnh diễn, vì mời bè bạn lên núi ngũ phong. Ở nơi núi rừng, lần theo dấu trước, hiểu được lý của sáu phạm bốn Thánh, mở cửa cho khai thị ngộ nhập, trăm giới ngàn như bao la tánh tướng, vừa che vừa chiếu, phá lập cùng lúc, y Chánh Viên dung, phạm thánh bình đẳng, mở ra tầm nhìn rộng rãi, cả vật và ta đều mất, chỉ bốn mươi năm mở mang từng bước, nghiệp xa đạo tình, chí mạo thần khổ, nằm không cởi áo, ăn chẳng thỉnh riêng, nhắm mắt mất mùa, củi đước đều thiếu, mỗi khi mức nước súc miệng sẽ mong ngày dài, trên mình có ghẻ tay chớ nên quào, giới xét vâng tu phải giữ tâm miệng, thường dùng bốn thứ Tam-muội luyện mài tẩm thân. Về việc thọ trì, rất hạn chế về vẻ đẹp của từ ngữ hay nghệ thuật nét bút, mỗi khi có biện luận phải trái, trắng đen, dị thuyết có phụ với người học, thường hay ở bên cạnh thu thập bí yếu để phản bác, tìm ra khuyết điểm để giành thắng bại, tiếng tuy là ngang nhiên ngồi trên ban chủ tọa, thối là pháp phòng thẹn thùng, càng cao núi ngã thì bỏ bốn tất-đàn.

Đến Hội Xương năm thứ tư, Sư qua đời, thọ bảy mươi bảy tuổi, bốn mươi tám tăng lạp. Sư chột không ăn mấy ngày mà nói pháp không hề sợ khó, nhằm ngày 17 tháng 2, dặn dò đệ tử rằng: Ta suốt đời tu tiến

không lừa gạt tâm miệng, nay được hái được quả lành, tức là nằm yên, ngủ yên mà chẳng có đau buồn gì cả, lại rằng: Thiên Thai tông số, mục đích là tuyên truyền. Pháp Hoa số mười quyển, Bản môn, tích môn, ba chu ký biệt, mở ra gần mà hiểu được xa, Huyền văn mười quyển, năm nghĩa phán thích. Chỉ Quan mười quyển, Cảnh quán song tu, bất định Đốn Tiệm tám giáo thô diệu, già chiếu bình đẳng hành giải tròn sáng, một nhiều tức nhau, lời văn của một tạng, ngọc ngà sáng vàng sẽ bước lên bậc thánh, giáng xuống cũng chẳng bằng, lễ sám phương Đẳng phải nhờ tâm chí thành, lòng ôm ấp mãi là do tâm của ta. Bấy giờ, long tượng nhóm họp bên tòa Tiết Tử, đều khen là ít có cùng tụng danh hiệu Phật, giữa lời dạy che đến thiên linh, gió thổi mây sâu, núi tối nước ngập, rừng đổi biến sắc càng thêm thâm thương, các con của xà-duy Nhật rong ruổi không biết đến đâu.

Tuy người học rất nhiều, nhưng đạt được pháp chỉ có Nguyên Kham, tức con cháu của Phù Phong Mã, khí độ sâu sắc, đạo phong thanh cao, bình giải thoát ở nơi xa, rót vào đề hồ có thể gọi là sau một ngọn đèn, lại đốt lên một ngọn đèn sáng rực đến thời vua Võ Tông Trưng Thái, bầm sứt chỉ trước đau buồn khóc lóc suốt đêm, đem những chương sơ văn bản của thầy cất giấu trong vách nhà.

Đến thời vua Tuyên Tông Phật giáo được tôn sùng trở lại, sửa sang nhà cũ, đem những bộ giáo ấy để trên ảnh đường. Sáu thời kinh hành, nghiêm như tiền chế, hàng năm truyền tụng Pháp Hoa diệu kinh, Ma-ha chỉ quan phu dương lâu dài. Hết lòng vì kế thừa, chẳng qua cũng vì tôn kính thầy vậy.

## ***2. Truyện Hi Viên Chùa Ứng Thiên Ở Việt Châu Đồi Đường:***

Thích Hy Viên họ Trương, người ở Cô Tô, giòng họ giàu sang, chỉ có một mình Viên xuất gia theo giới pháp, đến các trường giảng, không dính mắc một nơi nào, siêng cần tu dưỡng ba học, hàng năm càng thêm sâu sắc và hiểu rộng hơn. Được chọn làm bậc tài giỏi để đảm nhiệm giảng dạy.

Trong niên hiệu Quang Khải, quân Thuộc Từ Ước làm loạn, tôn nho chọn nơi đất Ngô, chỉnh lý nội bộ, bắt đầu phản kháng lại sự quấy nhiễu, Viên từ chùa Thông Huyền theo thuyền buôn sang đất phía đông, hành khách đều là người nước Việt (Triết Giang), bọn họ đều kính tin Hy Viên. Được gọi vào trụ chùa Bửu Lâm ở Cối Kê. Hình dáng tuy là người tu mà tính lại mạnh bạo, thường hay gây sự, chẳng hợp với ai, có người hỏi rằng tại sao như vậy.

Sư nói: “Tả tiêu diêu nơi vô hình, những người muốn tỉnh pháp đến, Sư bèn soạn Huyền Trung sao mấy quyển, đều đúng nghĩa dụng từ, hằng khuyên người gấp tu nghiệp thượng sanh, lại nói: Chẳng phải biết là khó, mà hành mới là khó thật sự. Sư suốt ngày lễ sám không hề thiếu sót, ở một căn phòng nhỏ ở trên đỉnh núi Lang Da.

Theo truyền thuyết: đài Từ Lang Da bay đến đây, trước là đồ phưởng (nơi giết mổ), cho nên đều trấn giữ dưới ấy núi đều có giếng trong, giếng có lươn lịch, nước ứng theo thủy triều lên xuống của sông cái, có rất nhiều linh quái. Có thuyết nói rằng: Nơi này là Hạ Vũ bắt nhất con thuồng luồng, gọi là con giòi, giòi có đôi tay vừa vàng vừa xanh, khi biến sang màu xanh của tre trúc thì mưa gió sẽ đến, nay hay xuất hiện ở kẻ đá, đi vào mương rãnh nơi nhà tăng ở, không sợ người, nắm bắt thì nháy nhót dường như nổi giận, cố tình đi vào phòng Sư, Sư dùng tay vuốt ve hơi chịu, Sư cho quy y thọ giới, bảo không nên làm yêu quái gây mưa gió, đến khi Sư mất gió mưa lại rất nhiều.

Sự tụ tập của Viên là mong được gặp Di-lặc, một hôm, giảng xong, Sư ngồi sững tên pháp tọa, mọi người ngửi thấy mùi thơm dịu dịu như mùa xuân, lúc thoảng lúc không, liên tiếp như vậy bảy ngày, đây thật là chứng quả thượng sanh. Ngày về núi chúng tăng bày cúng tại cửa chùa, mọi người quỳ lạy rất đau thương, thành linh lại biến mất, chẳng ai biết được. Thi thể Sư cử hành hỏa táng, thu được hơn bảy trăm hạt xá-lợi, người Tứ Minh mang về nước Tân-la.

### ***3. Truyện Huyền Ước Viện Mộc Tháp Chùa Hưng Long Ở Giáng Châu Đời Đường:***

Thích Huyền Ước, họ Trương, người ở Chánh Bình, chí Vận cứng cỏi, tuổi nhỏ đã nảy sinh tâm xuất trần, vì có túc chí nên đến chùa Long Hưng, mỗi ngày tụng ngàn lời, sau khi xuống tóc luật nghi đầy đủ, xem xét tâm mình, dựa theo phạm vi giới luật, giữ kỹ việc làm, chưa từng đào huyệt, từ đấy danh tiết cao dần, bầu bạn kính mến trong vài năm luật luận đều rành, đi tìm trí thức khắp nơi, nghiên cứu sâu về Huyền Văn, dừng chân tại chùa Sùng thánh ở Trường An, chọn lấy giới đức, lên đàn giảng luật, cùng với Câu-xá hơn bốn mươi biến. Tánh tình Sư điềm tĩnh, tánh nghiên cứu đối chiếu không hề thiếu sót.

Sư soạn Câu-xá luận Kim Hoa Sao hai mươi quyển, được người đương thời quý trọng, hai lần lên bậc giảng đều có ba trăm mấy người dự, đều là học trò phương Bắc, truyền bầm cho môn sinh cho cả trăm vị, trong thời gian Sư ở Phân Bí, người theo học đến già. Sư qua đời trong

một căn phòng nhỏ của chùa, thọ bảy mươi sáu tuổi, năm mươi sáu tăng lập, đệ tử học pháp cùng người xuất gia, tại gia thu gồm được mấy trăm hạt xá-lợi. Xây tháp thờ ở phía Tây quận thành.

#### **4. Truyện Ngạn Huy Chùa Minh Phước Ở Hoạt Châu Đồi Đường:**

Thích Ngạn Huy, họ tôn, người huyện Dương Vũ ở Đông kinh. Lúc còn nhỏ nghe cha đọc kinh Kim Cương Bát-nhã, trừng mắt lắng nghe một cách thích thú, trong nhà hay có làm lễ chay, mỗi khi nghe tiếng khánh phạn tự nhiên mà chấp tay lễ Phật, năm mười lăm tuổi theo thầy học đạo, đến Thái Nguyên, Kinh Triệu, Lạc Dương nghe, giảng quên cả mệt nhọc. Khi đủ tuổi, Sư thọ đại giới tại chùa thiếu thất ở Tung Sơn, tu tập Tỳ-ni rất thông hiểu ý thú sâu sắc, kể là tìm hiểu kinh luận, đều đến cội nguồn mẫu nhiệm. Lại nói rằng: “làm lành khác nhau, nhưng đồng quy về trị, trị thì giới định tuệ, nhập thánh cơ giới, đây là chỗ cực trí của tính tam trị”. Sư đến kinh đô Lạc Dương, các bậc tiên giới đều nể phục, đối với bốn bộ đều kính trọng sự sáng suốt, gần gương thì buồn ít vui nhiều, cầm bình thì nâng nhẹ giữ nặng, ngoài ba lớp áo mọi thứ của cải đều lấy đủ dùng mà không dư thừa, hành từ mà nhẫn nhịn việc không chính đáng theo quy tắc, không chứa môn đồ, chỉ nhọc bản thân, siêng năng hoá đạo, âm thầm tiến tu, cho nên người Nam Yên gọi là Phật tử. Ban đầu ở nhờ chùa Minh Phước, giảng luận Bách Pháp, bậc anh hào bốn biển do sóng gió đưa đẩy tới, thường hay tụ tập đến cả trăm người, thường là bậc tài giỏi, nghiên cứu tỷ mỷ về kinh tông, chia làm thượng hạ thập ác, thượng thập ác thì động nhân tính tướng, dựng cao cờ pháp, ba lập Tông, Nhân, Dự lập phá không dính mắc, hạ thập ác thì học gồm nội ngoại ngâm vịnh phong tao. Sư thọ bảy mươi hai tuổi, năm mươi hai pháp lạc.

#### **5. Truyện Quy Dư Chùa Tướng Quốc Ở Đông Kinh Đồi Lương:**

Thích Quy Ngữ, họ Mi, người ở Thọ Xuân, cha là Nguyên Húc, biết con mình lanh lợi dạy cho thi thơ, hễ đọc qua thì ghi nhớ trong lòng hơn hẳn mọi đứa trẻ khác. Học xong chư tử, trong lòng, nảy sinh xuất gia, cha mẹ chấp nhận theo nguyện vọng, bèn gửi gắm vào chùa Khai Nguyên làm Sa-di cho luật sư Đạo Tông. Chưa đầy một tuần sau đã đọc thông hai kinh Pháp Hoa và Nhân Vương. Đúng tuổi được thọ giới cụ túc, giữ gìn ba hạnh, và bốn oai Nghi, nghe học tân Chương liền giảng được, sau nghe ở kinh đô Lạc Dương thịnh hành tam phụ kinh luận, Sư bèn kết bạn cùng đi, tìm thầy. Chỉ trong mười năm, đã sơ thông tánh

tương, tinh ròng đại tiểu thừa, danh số nhất chi, Nhân minh nhất học. Câu-xá, Duy thức, Duy-ma, Thượng sanh đều thể nhận sâu xa như Hư không, lại trở về Nam yên, theo Huy Công học lại các môn cho nhuần nhuyễn, cảm thấy nghĩa chương còn chưa hoàn thiện, đến chùa Tương Quốc ở Đông kinh, nhờ lại tân sao mà giảng huấn, cố gắng làm cho môn sinh lĩnh ngộ. Lúc ấy, Châu Lương hậu chủ và Sư vốn là bạn học cùng trường, tình bạn năm xưa sâu đậm, xa cách nhau cũng khá lâu, lên ngôi nửa năm sau hạ chiếu tìm kiếm, Sư biết người cố cụ, im lặng suốt cả năm nhưng lẩn tránh mãi cũng không khỏi, bèn phải ứng chiếu vào cung, nhà vua buồn vui lẫn lộn, ban tiệc khoản đãi nồng hậu, lúc ấy nhằm lễ gia khánh, vua ban sắc lệnh đình chỉ việc nâng tiến tăng đạo Ân. Năm ấy vua chỉ ban y tía cho riêng Sư, phong hiệu Diễm pháp đại sư, Lương Nhai uy nghi đón rước đến chùa, đồng thời ban sắc lấy viện Ngự Dang ở đông tháp làm viện Trường giảng. Nhân dịp lễ thánh, Mân soái dâng một tạng kinh Kim Cương, ba trăm xấp vải lụa, vua đều ban cho Sư, pháp lữ cảm nhận vinh hạnh, nhưng xét thấy cưu sao có gì không ổn, chưa được cùng tận nghĩa lý, bèn sưu tập tinh nghĩa suốt ba năm, soạn thành hai mươi quyển, vua xem xong rất tán thưởng, lệnh cho nhập tạng, Sư cố từ khước mới thôi, như vậy trong mười lăm năm, xướng đạo không ngừng, học trò nối nhau truyền trì. Đến ngày mùng 10 tháng 10 niên hiệu Thanh Thái năm thứ 3 đời Hậu Đường, Sư gọi môn nhân là Hồng Diễm bảo rằng: “Sức lực ta đã đến lúc mỗi mòn rồi, người hãy trụ trì tu tiến”. Đầu hôm, Sư chấp tay rồi qua đời, thọ bảy mươi lăm tuổi, năm mươi lăm tạng lap, ngày 18 tháng ấy dời tháp về gò phía Đông, chùa Đông Giao ở Kinh đô.

#### ***6. Truyện Lệnh Yên Ở Trường Thủy Thuộc lạc dương Đời Hậu Đường:***

Thích Lệnh Yên, họ Dương, người ở Văn Hương thuộc Thiểm Phủ. Lúc nhỏ đã có ý chí muốn xuất gia, được vị Sư ở ấp ấy dạy cho kinh Tịnh Danh, đúng hai mươi tuổi thì cho thọ giới luật, cùng học đại tiểu thừa, trên danh số pháp môn nhiệm thành thuần túy, Di-đà Trung Quán có Oát và Cao Du, tiếng tăm lừng lẫy không ai bằng, vì vậy mà Sư đến Trường Thủy ở Lạc Nam, gặp đàn tín quy tâm xây chùa giao ước với nhau, cứ một luận một kinh, liên tục trong suốt ba mươi năm, giảng hóa được hơn năm mươi biến, hằng ngày còn tụng riêng Duy-na, Thượng sanh, giữ hạnh giữ tâm, dứt bỏ thói xấu Tông thừa các nơi gần xa đều cầu mong khát khao.

Niên hiệu Thanh Thái năm thứ 2, Sư qua đời tại chùa, thọ bảy mươi một tuổi, năm mươi mốt tăng lạp. Theo tục Tây vực hỏa táng, được xá-lợi, người học và đàn việt cùng xây tháp thờ.

**7. Truyện Trinh Biện Chùa Khai Nguyên Ở Định Châu Đời Hậu Đường:**

Thích Trinh Biện người ở Trung Sơn, lúc còn nhỏ đã biết việc xuất trần, nên thề tu học mãi, tánh khắc khổ, mọi người đều sợ Sư không kham nổi, nhất chí nghe tìm, rảnh thì chích máu viết kịch, lại chích máu vẽ hình Quán tự tại đứng và hình từ thị, có lần vì hành đạo mệt nhọc, có hai cô thiên nữ đến chọc queo. Biện thề rằng: Lòng ta chẳng phải sắt đá, ta sẽ dùng thần chú trị các người, chúng thấy không được bèn bỏ đi. Từ đấy đạo thăng, ma cũng không còn dấu vết.

Sư đến thành Thái Nguyên nghe giảng tu tập, lúc ấy Trung Sơn họ vương và Hậu Đường họ Lý phong cảnh giáp nhau, lo lắng sự dòm ngó, trong châu thành không chứa chấp ngoại tăng, vì vậy Sư bị đuổi ra ngoài, ở nhờ nơi cổ mộ ngoài chỗ trống, Hội Vũ Hoàng đế đi săn trong ruộng đồng, trong phạm vi gò mả, Sư còn chưa biết át giáp chuẩn bị vào thành phố giảng, nhìn thấy cờ xí và kỵ binh, liền rút thân vào huyết, Vũ hoàng đế bắt gặp, hỏi về nguyên do lại khám xét trong hang thấy lót cỏ làm chỗ ngồi lại có bút nghiên sớ sao tứ tung. Vua bèn gọi vào phủ cúng dường. Lúc ấy, Tào Thái hậu rất nể trọng. Sư than vãn với Thái hậu rằng: “Mục đích của thần là học đạo, ở trong cung lâu ngày, như bị khóa tay khóa chân vậy. Vũ hoàng cho Sư tự do thông thả, trở về Tung Sơn. Giảng dạy tu bổ các ngôi chùa cổ đều được toại nguyện. Có người đàn bà họ trần quý lạy cầu xin Sư soạn cho Thương sanh kinh sao, được người học lúc bấy giờ rất quý trọng nên đặt tên là Biện sao. Về sau, Sư qua đời tại chùa này.

**8. Truyện Hư Thọ Chùa Đại Thiện Ở Quận Cối Kê Đời Hậu Đường:**

Thích Hư Thọ, người ở Ngự Nhi thuộc Gia Hòa. Sau khi thọ giới thì học tập ở thượng đô, nội ngoại các môn đều thông hiểu, truyền giảng mấy bản đại kinh luận, không ngại tuyên đạo. Vào niên hiệu Hàm Thông được ứng phụng thánh tiết bổ sung làm giám nghĩa Tả Nhai, bè bạn ai chẳng ai không nể phục. Đến niên hiệu Quảng Ninh kinh đô bị giặc cướp chiếm lĩnh, Sư tạm lánh nạn sang chùa Đại Thiện ở đất Việt. Người cùng sở thích thỉnh Sư giảng hai kinh Niết-bàn và Duy-ma, tức

là nhằm niên hiệu Thiên Hựu, vì giận các vị Sư khiếm nhã, nên Thích Sùng Phước sơ phần lược mà không trúng, cũng như lấy nước giúp nước, rốt cuộc không giúp được gì cả. Bèn soạn Nghĩa Bình Sao, mười bốn quyển. Đến niên hiệu Đông Quang mới soạn xong. Lại vì giảng Câu-Xá luận Sớ, có bài tựa của Giả Tăng Thị lang, kế là tựa của Tăng Viên Hưng, đều soạn Sao giải, lời văn chứa đầy những hiểu biết xưa nay, đối với kinh Niết-bàn Sư phân tích chẳng phải sơ lược, vẫn có người bác bỏ sớ của Tiểu Viễn, khỏi bị làm bẩn bởi con ruồi xanh, ngoài ra thì pháp Hoa, Bách pháp, Duy thức đều có nghĩa chương riêng biệt. Tính Sư lại nóng nảy khác với mọi người, thu nhận đệ tử đều không được, tự mình phải nấu nướng, củi tươi lửa tắt thổi lại khói, nổi quạu lấy nước chế vào suốt ngày, không ăn uống mà cứ giảng giải, đến tuổi già mất mồi, lên tòa sư tử đội nón tre mà giảng, không nháy mắt, có người chế nhạo cho là xem thường thính chúng, Sư cũng đành chịu thôi.

Võ Túc Vương họ Tiên đến đất Việt, Sư bèn ra yết kiến, vương tôn kinh phong độ, ban cho ưu lễ, nói một nhọc hai ba lần. Vào niên hiệu Càn Hoá tổ chức độ giới tại chùa Khai Nguyên ở Cối Kê, được gọi là giám đàn luyện tuyền, nơi đây có chức này bắt đầu từ Sư mới có. Túc vương dâng biểu lên triều đình, tiến cử xin ban cho y tía, Trang Tông chế ban cho người mang đến Doanh Khâu giữa lúc Sư đang giảng bài tựa Thượng sanh kinh sớ, cho đến như chuông lớn mà hư Thọ, Sư bèn bỏ phát xuống nói rằng: Ta có danh mà không có thật, sau này lại càng là hư thọ, các người hãy hiểu cho. Túc vương hay được nói rằng: “vị Tăng này chắc chắn là vô ân mệnh phần, sao mà tên là Hư Thọ nhỉ”. Năm Ất Dậu niên hiệu Đông Quang, Sư qua đời, chờ khi tàu biển mang khốctic điệp đến, suốt cả ngày mới đến Thanh Xã, quả nhiên khớp với lời nói của Túc vương, Thọ để lại tập văn mấy quyển, thuật nghĩa chương ba mươi mấy quyển, lưu hành ở đời.

### ***9. Truyện Khả Chu Chùa Long Hưng ở Hàng Châu thời Hậu Đường:***

Thích Khả Chu, họ Phó, người ở Tấn Lăng, xuất gia tại chùa Kiến Nguyên, cá tính thuần lương, siêng năng học hỏi, bạn khuyên rằng: Chẳng phải đất thì cây không mọc, nay kinh Dự Chương gọi là sông, luận gọi là biển, sao không đến mà thỉnh nghiệp? Chu cảm thông sự khai đạo khế hợp mà đến đó, gặp pháp sư Vân Biểu thịnh tập cùng Pháp Hoa và Từ Ân đại sớ ngày càng trở nên sâu sắc.

Chiêu Tông, trong khoảng từ Giang Tây đến Đài Việt, ban lệnh

khai phát. Niên hiệu Càn Hóa năm thứ hai đời Tương, Sư triệu tập khai diễn tại chùa Long Hưng ở Hàng Châu, thính chúng già trẻ thường có năm trăm người. Lương Triết Võ Túc Vương lệnh cho giảng kinh ban đêm tại Thiên Bửu Đường, quỷ thần hiện hình hộ vệ. Thường hay có người nhìn thấy, hay có Tể đồng quan họ Vu coi đèn thờ thần, thỉnh rất lâu mà không thấy giáng xuống, sau nhập vào Vu nói rằng: Ta theo đại thần đi đến phía Tây Thiên Bửu Đường nghe pháp mới về, Võ Túc vương nghe vậy càng trịnh trọng, cho như ý bằng vàng, bát và y tía, và danh hiệu là Tinh chí Thông Minh.

Niên hiệu Thiên Thành năm đầu, Sư qua đời tại phòng riêng thuộc viện Quán Âm. Niên hiệu Càn Ninh năm thứ tư, Sư đến chùa Tùng Sơn ở Đài Châu giảng Sơ quyết Sao, dựa theo sơ tiết thành năm quyển, gọi là bình kinh sao; Âm huấn ngũ thiệp giải, Tuyên luật sư pháp Hoa Tự sao, một quyển, lưu hành ở vùng Triết Giang, đệ tử nối nhau không dứt.

#### ***10. Truyện Trinh Hối Chùa Tướng Quốc Ở Đông Kinh Đời Hậu Đường:***

Thích Trinh Hối, họ Bao, người ở Thường Thục thuộc quận Ngô, mười ba tuổi bắt đầu xuất gia tại chùa Long Hưng, tính tình trầm lặng, biết tranh thủ thời gian, mới hơn một năm tụng suốt kinh Pháp Hoa hai bộ Hằng Nghiệp và Nhật Chu như thế. Năm thứ 19, tại Dương Châu chọn danh sư thọ giới cụ túc. Từ phía Bắc Y Lạc đến Tấn Giao, hễ chỗ nào có trường giảng, Sư đều đến thưa hỏi. Về kinh luận, thì nghiên cứu tận cùng tánh tướng, giữa bạn ngang hàng ít ai sánh bằng, đối với bạn yếu thì cách rất xa. Vào niên hiệu Thiên Hựu năm đầu đời Đường, Sư đến chùa Tướng Quốc ở Đông kinh hiện nay, giảng kinh Pháp Hoa khoảng mười lần, cũng như người chưa về đã biết hàng bán hết hay chưa, đến nhà Lương, người vật đời đổi. Niên hiệu Trinh Minh Năm thứ hai, Hội Tống Châu soái Khổng Công, kính mến phong cách của Sư, biết được đạo hạnh, bèn bày lễ như đối với thầy bạn, bỏ ra tiền của xây dựng nhà giảng kinh Pháp Hoa tại Tây tháp viện, từ đấy hội hợp đông đúc, một mặt còn dạy văn đại tạng, hai thời hành đạo tinh tiến chẳng mệt mỏi. Lỡ của trăm nhà, kỹ thuật thế gian đều loại ra ngoài vòng nghị luận. Dạy môn đồ rằng: cách nói dị đoan gây rối chân tâm, vô ký bất huân, đâu cần học tập. Ta thà làm sư tử quát chó chớ không làm con dã can hót, Sư chỉ chăm lo nhang đèn quét dọn trong chùa để có chỗ nằm nghỉ. Đến niên hiệu Thanh Thái năm thứ hai, đời Hậu Đường,



ngày mười tháng hai gọi đệ tử năm mươi mấy vị, tự mình nấu nước tắm rửa xong, xướng kinh Thượng sinh. Lễ Phật xong, bỏ ra áo đồ không cần dùng, phân phát cho tăng ni. Ngày hôm sau Sư ngửa nhìn trời chấp tay nói rằng: “Làm phiền các bậc thánh đón rước nơi cõi trên, cả trăm đồ đệ đều nghe tiếng nhạc trên trời, chốc lát Sư đã hóa, thọ bảy mươi ba tuổi, năm mươi bốn tăng lạp, giảng suốt trong chùa ba mươi mấy năm. Kinh giảng ba mươi mấy lần, xem tạng kinh hai lượt, tu Di-lặc nội viện nghiệp, ngày 18 tháng 2, an táng Sư tại gò phía Đông cạnh chùa, cờ xí uy nghi, tăng tục đưa tang khoảng hơn một ngàn người.

### ***11. Truyện Khả Chỉ Chùa Trường Thọ Ở Kinh Đô Đời Hậu Đường:***

Thích Khả Chỉ, họ mã, người ở Cao Khâu, núi Đại Phòng thuộc Phạm Dương. Năm mười hai tuổi, đã có tâm xuất gia, theo luật sư Pháp Trinh chùa Mãn Trung, năm mười lăm tuổi làm Sa-di, từ già thầy học tập kinh luận. Lúc ấy, chùa Đại Hoa Nghiêm, có Pháp sư Nhân Sơ giảng luận Nhân Minh, Chỉ cầm quyển luận để vào lòng ba lần tinh nghĩa nhập thần, mọi người đều cho là tài ba, có lão túc Duy Ma Hòa-thượng, là kỹ sĩ của Phật môn, hỏi Sở sư rằng: Môn nhân tài giỏi có ai đứng đầu.

Sở sư nói: “Có Sa-di U Châu ở Ôn cố tri tâm siêng năng không lười. Duy-ma xin được gặp mặt, bèn chất vấn Thắng quân tử lượng, hỏi gì đáp nấy, không thể khuất phục được.

Duy-ma nói: Thật là hậu sinh khả úy, khế kinh đã nói, tuy nhỏ không nên kính mến, bèn cố sức mời Sư đến khai giảng ở Hằng Dương. Tăng tục đều kính mến, năm mười chín tuổi, Sư đến núi Ngũ Đài cầu giới, trước khi thọ giới, cảm thấy văn chương trí tuệ vẫn còn thuộc về bản thân mình, vì vậy mà về thăm cha mẹ và thầy cũ. Phụ diễn tại chùa, năm hai mươi ba tuổi đến Tịnh bộ học kinh Pháp Hoa, luận Bách Pháp. Vào niên hiệu Cảnh Phước, Sư đến Hà Trì, có thỉnh giảng Nhân Minh, sau có dạy học trò vài năm tại chùa Đại Trang Nghiêm ở Trường An. Niên hiệu Càn Ninh năm thứ ba dâng thơ lên vua Chiêu Tông, được ban Cà-sa tím, ứng chế nội điện, bổn đạo Lưu Nhân Cung, trấn giữ cửa bắc, khống chế Phiên Hán, nghe tên tuổi Sư, bèn gửi thư đến triệu về quê cũ, cha và thầy đã mất, còn lại mẹ già, Chỉ cầm bát khất thực, cơm cặn canh thừa xem như thức ăn ngon, hành tụng Thanh Long số ba năm, văn triệt bỗng thấy một con trăn lớn nằm trong phòng, ngất đầu nhìn thẳng như có điều gì muốn nói, các tăng trong chùa đều cho đó là con của Phật, lại nói: Mất rắn không chớp, nay nó nháy mắt, có phải là rồng chăng? Sư thấp nhang chúc rằng: Bản Đạo niệm Thanh Long số

ăn chay dưỡng mẹ, nếu thật Long thần có lòng nghĩ đến mong được cho Đàn Na ở vài ngày, con nhà Yên sư nói: Chế Thắng Tư đồ gọi dẫn về nuôi dưỡng. Lúc ấy, vua Trang Tông dẫn binh ra phi hồ để bao vây, kéo dài suốt cả năm, mẽ cốc hiếm quý, giá cả đắt đỏ. Chỉ lo sợ chẳng bao lâu nước Yên bị hãm mất, cha con nhà họ Lưu bị bắt về Tấn Dương, Sư lánh nạn Trung Sơn được Tiết độ sứ Vương Xử Trục tôn sùng, thỉnh về an trí tại chùa Khai Nguyên, hằng tháng có lương bổng. Sư soạn Đốn Tiệm nghĩa sao, một quyển, lưu hành ở đời, niên hiệu Thiên Thành năm thứ ba, quân triều đình hỏi tội Định Châu, người cầm binh là Vương Yên Hưu được Doanh Vương Phùng Đạo thư ra lệnh tìm Sư, Sư được xe ngựa đưa vào Lạc kinh. Hà Nam Doãn, Tần Vương Ưu lễ rất hậu, tấu xin ban cho Đại sư hiệu “Văn trí” trụ trì viện Tịnh Độ tại chùa Trường Thọ.

Niên hiệu Ứng Thuận năm đầu, nhằm ngày 22 tháng 1 năm Giáp Ngọ, Sư bỗng nhiên bị bệnh, gọi đệ tử đến trợ giúp vãng sinh, niệm Phật A-di-đà, an nhiên mà hóa, thọ bảy mươi lăm tuổi, năm mươi sáu tăng lập. Mười ngày sau hỏa táng thu di cốt, đến niên hiệu Thanh Thái năm thứ 2, ngày mồng 8 tháng 4 xây tháp tại núi Long Môn, góc đông nam của chùa Quảng Hóa. Sư có phong độ siêu bạt, giới tiết thanh cao, Bách gia sử tử và các kinh mục đều đọc không sót, ngoài sự hiểu rộng, còn sở trường thể thanh luật thi, có bài Tặng phàm Xuyên trưởng lão thi, được người truyền miệng, những ngày lạnh nạn tại Định Châu, Trung Sơn và Thánh Nguyên, nghi ngại về các chư hầu lấn chiếm lẫn nhau, vua muốn nước lành dân yên, nên tổ chức trai tăng tại chùa Khánh Vân, trong cuộc có người dâng hiến Bạch Thước (chim Khách), vui nói: Nhà thơ người nước Yên thử ngâm xem nào, Sư tức khắc đứng dậy ngâm thành bài thơ, vua rất vui. Lúc Sư ở Trường An, mỗi khi giảng xong thường hay dạo chơi vườn Tiêu Dao ở núi Chung Nam, là nơi dịch kinh của Pháp sư La-thập nước Diêu Tần, bỏ hoang đã lâu, nên than rằng: Ta là Phật tử, sao nhẫn tâm để như vậy được. Cho nên tấu xin Chiêu Tông hoàng đế sửa sang, nhà vua chuẩn y, vẫn ban cho tên chùa là “Thảo Đường”. Sau này thỉnh Phàn xuyên Tinh Hưu thiên bá hội tụ môn đồ đàm luận về Huyền học. Tại Lạc Dương ngoài giờ giảng, Sư thường tụng kinh Kim Cương. Ngày xưa người tu phần nhiều ở núi Chung Nam. Nên có tam sơn tập thi ba trăm thiên, thỉnh hành trong thời ấy, đệ tử tu văn, tu trí, tu hạnh. Sẽ hiểu được đạo của thầy.

**12. Truyện Cự Mân ở chùa Sùng Phước, ở Thái Nguyên đời Hậu Hán:**

Thích Cự Mân, họ Nhậm, người ở xứ Tây Hà. Cha của Sư theo nghề trồng tía mà mở mang đồi vườn. Mẹ Sư họ Vương, quy hướng Tam bảo, chuyên tâm thọ trì Bát quan trai giới. Từ khi mang thai Sư lại khéo kết duyên lành, cầu tu phước lợi mà sanh con tốt lành.

Sau khi sanh Sư, nuôi dưỡng đến bảy tuổi, Sư có chí khí đôn đốc, mỗi khi nhìn thấy tôn tượng Phật thì ngắm nhìn vui mừng. Cha mẹ biết Sư có nhân lành từ trước, những lúc dẫn vào chùa thì ý Sư như muốn quên trở về nhà. Sư đến viện Tịnh Tâm trong quận nhà, thấy luận sư Tuyên Viễn, bèn phát chí luyện mộ phòng độ tăng, khóc cầu nhiếp thọ. Cha mẹ Sư biết không thể cản trở chí nguyện của Sư nên đều chấp thuận. Năm 10 tuổi, Sư tụng trọn hai bộ kinh Pháp Hoa và Duy-ma, thường ngày trì đến mười quyển, không hề bỏ đứt quãng. Như nắm giữ bình báu lưu ly, Sư thư thái từ hòa như bậc lão thành. Đến lúc Sư thọ giới cụ túc, bèn tập học Luật tạng, thông suốt khoa phạm khai chế, thường soi xét buồn vui. Từ đó, đối với lý thú kinh luận Đại thừa, Sư siêng năng nghiên cứu, thành đạt được yếu pháp của Tôn sư. Và đều thành tựu ba học. Ngày cũng như đêm, trước song cửa án sách, không lúc nào rảnh rỗi nghĩ làm điều gì khác, trừ nghiêm tâm nghĩa chường tu sáu việc, hai nhân. Đối với kinh Đại Bát Niết-bàn, và luận Nhân Minh, lúc tuổi về già, Sư càng tha thiết. Lại truyền giảng luận Du-già, Kim Cương, lắng hết các duyên, chuyên giảng mỗi thứ hơn mười biến. Ngài vẫn cầu phụ lượng, xem rộng các sách, thành đạt nghĩa lý rất tinh vi, lại phát huy các thứ tốt lành. Bỗng nhiên, Sư bảm nhận luân ngôn, trú tại viện Thiên Vương ở thành nội, cùng các đệ tử đều được cung cấp không thiếu, truyền trì không dứt.

Niên hiệu Càn Hựu thứ nhất (948), thời Hậu Hán thuộc Ngũ Đại, Hán Cao Tổ, nhân ngày Rồng ẩn đất Tấn, kính ngưỡng thanh danh Sư, đặc biệt ban đình thần, tặng y màu tía và danh hiệu là Viên Trí Đại sư. Kế đến, lại có chiếu chỉ tuyên mời đến trụ viện Giảng Đường ở chùa Sùng Phước, bèn xung nhậm chức Quản nội Tăng Chánh, trải qua một năm mà giáo pháp lan truyền đến cả đất Tấn. Sư bèn xem xét, sách tấn tăng đồ, như gió bạt cỏ. Đến ngày mồng 3 tháng 11 niên hiệu Càn Hựu thứ hai (949), Sư không bệnh mà qua đời, thọ bảy mươi ba tuổi, năm mươi bốn pháp Lạp. Bấy giờ bốn chúng thấy đều buồn thương, khắp thành không ai chẳng luyện mộ đức hạnh Sư, bèn vâng theo lễ nghi trà-tỳ của Tây vực, phần nhiều dâng cúng nước thơm, hoặc cầm phướn đẹp, kẻ tặng người tục đông nghịt ngoài thành. Ngày đó, mây che ảm đạm,

chưa đợi lửa tắt, đều đã bưng bình báu đựng đầy lúa thóc, đồng thấy thể huân tu. Bấy giờ, những người có được Xá-lợi tùy tự nhân duyên, hoặc ít hoặc nhiều, riêng thân nhất được di cốt Sư, bèn viết văn biểu tấu trình bày lên triều đình, và Hán Chúa ban sắc an táng tại chùa Thiên Long ở Tây Sơn. Tất cả mọi việc đều do các quan cung cấp cúng dường, xây dựng tháp đá. Ban tặng thụy hiệu cho Sư là “Đạt Thức”.

### **13. Truyện Hằng Siêu chùa Khai Nguyên, ở Lệ Châu, đời Hậu Hán:**

Thích Hằng Siêu, họ Phùng, người ở Phạm Dương. Ông nội Sư chẳng ra làm quan, ở đời lo tu sửa Nho đạo, mà gia đình giàu có đủ muôn thứ.

Khi Sư vừa mới chào đời, đã thông minh mẫn tuệ, sống chung với lũ trẻ mà chẳng thích vui đùa. Năm mười lăm tuổi, Sư sớm thông hiểu sáu tịch, khéo léo phong tao, nói năng lời lẽ mới lạ, lấp bí miệng người. Một ngày nọ, nhân đọc kinh Phật, bỗng nhiên tỏ ngộ mới than rằng: “Người đời giàu sang, như bọt bóng huyễn hóa, chỉ có chân thừa mới có thể chuyên chở!” Bèn đến chùa Trúc Tất cầu xin xuất gia. Chưa đầy ba năm mà phương nghị tiến tu ngày đêm chẳng mệt mỏi. Gặp lúc Tôn sư thị tịch, Sư cũng vâng theo, lễ nghi an táng của nhà Phật, giữ lễ không biếng lười. Danh tiếng hiếu đức của Sư, người dân rất hay ca ngợi.

Niên hiệu Càn Hóa thứ ba (913), đời Hậu Lương, Sư đến núi Ngũ Đài thọ giới cụ túc. Do đó, vượt xa tự gần. Tha thiết hỏi nghĩa gần gũi, bổng chốc bày chương chặt cây. Thả quen người, hoặc bạn kết giao, đi xa tìm bậc thầy khéo giỏi. Lại gặp phải sự cản trở ngăn cách giữa hai dòng sông, binh giặc chưa thôi, đường sá chẳng thông. Ở phía Nam thì Lương Tổ, phía Bắc thì Trang Tông, gánh vác cân nhắc trước nặng nhẹ, đuổi nai trong lúc còn mất, chính là lúc ấy. Sư bèn dừng ở giữa khoảng Ngụy bác và Đông Phần, học các kinh luật luận Đại Tiểu thừa, tính ra có đến bảy bốn giảng thông. Sư nghĩ đến Ung Lạc, Các bậc danh sư đời Lương Tống đều mịt mờ cách tuyệt. Tuy nhiên, lần lượt trải qua chẳng Xa, mở mang rất tinh, bình đầy tri kiến giúp bay danh tự, cho nên Tinh bộ dứt bụi, hai vị Trung Sơn và Trinh Biện Phu ngôn hạnh đều đạt quả vị tu chứng, vừa thấy Sư liền khen ngợi rằng: “Đầu sừng của Nghĩa Long thấy đều hoàn bị, chỉ đợi dang cánh bay mà làm mưa dầm”. Sư là bậc thạc đức, đề mục có nhiều, cùng loại như thế.

Niên hiệu Long Đức thứ 2 (922), đời Hậu Lương, Sư chống tích tượng đến Vô Lệ, Sư bảo rằng: “Cho nên toàn Tề cự hoại, Trâu lỗ

khéo gôn”. Bền đứng trụ tại phía đông bắc chùa Khai Nguyên, thiết lập toà viện, giảng giải các kinh luận, hơn hai mươi năm mở mang dẫn dắt. Mỗi thứ kinh luận, Sư giảng hơn ba mươi biến. Tiết tháo cao vời, cử chỉ thư thái điều hòa. Kẻ tăng người tục trông thấy Sư, ai cũng kính nể. Lời tiếng chẳng quát tháo, ngôn từ chẳng kiêu sa, tự nhiên mà thế. Vả lại, chẳng phải chỗ được của oai thế lắng lậu, trước sau châu mục, qua lại sứ thần, ảnh hưởng danh dự, khâm phục phong cách tu hành, đều cùng lễ trọng, Sư sai đồng tử, từ chối giảng suốt, ít tiếp xúc. Ban đầu thì như có sự ân hận, sau cùng thì kính phục cao hạnh của Sư, Tháo Tú ở khoảng Tề Lô, chẳng xa vài trăm dặm, tìm đến pháp tòa của Sư để vận hỏi. Các vị ấy một lúc thấy được Tôn dung của Sư, bền đứng bên cạnh nghe bàn luận, thưa hỏi tử sử, dùng giáo tông để minh chứng. Hoặc hỏi về nhân minh thì Sư dùng một bài thơ để đáp từ chối lời mời lý mầu, thấy đều thán phục.

Bấy giờ, quận thú Lý Quân vốn nể trọng phong thái cao hạnh của Sư, muốn tỏ lòng bền dâng tặng y tía. Sư nghe mà kinh ngạc, bền bảo lấy bút viết thơ rằng:

*“Luống mặc áo vải già  
Chén nổi Đạo chẳng thành  
Thê chết truyền kinh luận  
Chẳng sống nhiễm lợi danh,  
Chán cây ngăn sắc núi  
Mến cửa hướng trăng soi,  
Lúc khác theo Phạm Chí  
Một khuấy năm hồ trong”.*

Lý Quân nhờ người khuyên, nguyện kết nhân duyên. Sư quyết định chẳng dõ. Lại bảo: “Nếu ông ấy còn vậy thì ta ở tại ngoài ven Lư Long”. Quận tướng nghe nói đành thôi. Thêm nữa, tướng Quốc Danh Vương Bằng Đạo nghe danh Sư biết là người gốc ở Hương Quan. Trước tiên sai người mang thư đến, với đề tựa dùng ý muốn quy hướng, Sư bảo: “Bần đạo là kẻ nhàn, sớm bỏ cha mẹ, quyết chí tu hành, vốn mong cầu đức Từ thị Di-lặc biết tên, không cho là truyền rộng đến tai của Tể Hành. Đối với tôi có ích gì”. Môn nhân ngày càng đôn đốc dẫn dụ, bất đắc dĩ mà Sư viết thư đáp lại, nêu bày tỏ rõ người xuất gia đâu được vì hư danh lợi mỏng mà lưu tâm! Danh Vương càng thêm kính trọng, dâng biểu tấu trình, Hán Cao Tổ bền đến trao tặng y tía. Từ đó, Sư thường chẳng vui.

Đến ngày mồng 3 tháng 2 niên hiệu Càn Hựu thứ 2 (949) thời Hậu

Hán, Sư bị bệnh nhẹ, chỉ vài giờ sau thì thị tịch tại bốn viện, thọ bảy mươi ba tuổi, ba mươi lăm tăng lạp, tăng chúng trong viện đều nghe tiếng nhạc giữa hư không là minh chứng Sư sinh lên tầng trời Đâu-suất. Môn Nhân Đổng Trưng cùng học chúng hơn trăm vị giữ tâm tang. Các hàng sĩ thứ và trong ni trong thành cùng nhau nhóm họp, đưa nhục thể Sư ra ngoài thành, cử hành lễ trà-tỳ, thâu nhật xá-lợi được hơn hai trăm viên, phân bổ ra ngoài thành, lưu giữ tại bốn viện năm mươi viên, xây tháp thờ. Doanh Vương biết được sau cùng, riêng tấu trình ban tặng ngài thụy hiệu là Chánh Đức và khắc sắc văn ở tháp đá.

**14. Truyện Tăng Chiêu viện Pháp Lâm, ở Kinh đô Lạc Dương đời Hậu Hán.**

Thích Tăng Chiêu, họ Trương, người ở xứ Phạm Dương. Năm mười bốn tuổi, Sư xuất gia tại chùa Mẫn Trung.

Sư thông minh vượt trội đồng bạn, thần nghi tú vĩ. Ban đầu, thọ nhận kinh kệ, mỗi ngày tụng đọc mấy trăm ngàn lời, đọc qua mắt dường như đã thấy tập học từ trước, luận bàn tri kiến, có phong thái như bậc lão thành, nên được độ làm Sa-di. Từ khi thọ giới cụ túc về sau, Sư tụng thâm kinh điển hơn sáu bộ lớn, đó là các kinh Tối Thắng Vương, Đại Bi, Duy-ma, Pháp Hoa v.v... bên cạnh đó, Sư tìm nghe thêm các kinh luận suốt mười mấy năm. Văn sâu phục nghĩa, mầu lam sanh ra từ mầu xanh.

Trong khoảng niên hiệu Thiên Hựu (904) đời Tiền Đường, Sư đi xuống phía Nam, bèn đến Trung Sơn. Nguyên Nhung Vương Cử Đạt thỉnh Sư trú tại chùa Pháp Hoa, kế đến Dịch Soái thỉnh Sư. Thái Phó Lũng Tây Công liên tiếp dâng biểu tặng y tía, tôn xưng là Chí Chân Đại Sư. Kế là Phù Phong Mã Công thỉnh Sư làm Tăng chính, chẳng phải tốt lành vậy. Đến khi tại Lạc Vương có sắc chỉ khai giảng kinh Pháp Hoa, Sư bèn trú tại viện Pháp Lâm, hướng gì lúc Đô Quyết có nhiều bậc Long tượng hội về, Sư xướng đạo hợp như ở Hạ Phong phục ứng.

Đến ngày 26 tháng 3 niên hiệu Càn Hựu thứ nhất (948) thời Hậu Hán, Sư thị tịch tại giảng viện, thọ bảy mươi tuổi, năm mươi tăng lạp. Bốn chúng buồn khóc kính mến. Quan thị trung Lý Công khuynh dịch định, từng làm ngoại hộ, lại giữ lạc trạch, trong tang lễ thấy đều đem của cải cung phụng. Đến ngày mồng 3 tháng 4, dời nhục thể Sư về phía nam thành cử hành pháp trà-tỳ. Thâu nhật xá-lợi mầu hồng nhuận có đến vài trăm viên. Tế Dương Đình Công làm chức Bảo Ly giúp xây tháp tại sườn núi phía nam chùa Quảng Hóa để tôn thờ.

Ngày trước, lúc còn sống, Sư từng giảng kinh ở hơn bảy mươi pháp tòa, ân cần vì pháp. Đồ chúng rất nhiều, Quan Tế Thần Mã Công Tôn rất khâm phục kính trọng, trước sau dâng tặng thơ kệ đến vài mươi bài. Sư được lời khen tốt ở Lạc Kinh.

**15. Truyện Tùng Ẩn chùa Thiên Cung ở Lạc Dương đời Hậu Hán:**

Thích Tùng Ẩn, họ Lưu, người xứ Tam Khanh, thuộc Lạc Dương. Vừa mới độ tuổi tết tóc mà Sư thông minh mẫn tuệ, có chí nguyện muốn xuất trần, cha mẹ Sư đã chấp thuận, Sư bèn đến viện Trúc Các trong thôn ấp theo thầy tụng tập, đào luyện binh phù. Sư tìm đến Trung Dương cầu thọ giới xong, lại đến huyện Trường Thủy nghe Pháp, mới trải qua vài năm mà thông được ba bộ kinh luận: Bách Pháp, Trung Quán và Di-đà. Đại sư Yên lúc tuổi già rất hài lòng với sự thông đạt tánh tướng của Sư. Sau, Sư đến Viện Bồ Kim ở Lạc Dương, ứng phó diễn giảng, đến khoảng niên hiệu Thanh Thái (936-934) thời Hậu Đường. Đại sư giao phó giảng tòa cho Sư. Thường ngày, ba lần thăng tòa giảng pháp cho chúng nghe, giữa mùa hạ, Sư kéo dài thước đo bóng nắng, xem đọc một pho kinh tạng. Sư tinh tấn khổ hạnh, không ai sánh bằng. Đến tháng giêng niên hiệu Càn Hữu thứ 2 (949) thời Hậu Hán, Sư hiện bị bệnh và qua đời, thọ năm mươi ba tuổi, ba mươi hai hạ lạp, bèn y theo pháp hỏa táng của Tây-trúc, thâu nhật chân thể viên tịnh rất đáng quý, các hàng môn nhân xây tháp cúng dường, đến nay vẫn còn.

Kế đến, có Tỳ-kheo Thích Mộng Giang ở viện Huyền Tuyền thuộc huyện Trường Thủy, Sư họ Dương, người của ấp này, thần thái phóng khoáng, vượt hẳn phạm tình, bèn nguyện xuất gia, thường tụng kinh Nhân Vương Bát-nhã. Sau khi thọ giới cụ túc, Sư giảng luận Bách Pháp. Khoảng niên hiệu Thanh Thái (934-936) đời Hậu Đường, Sư được thỉnh đến chùa Quảng Hóa ở Long Môn, giảng pháp cho chúng nghe. Gặp lúc vua Phế Đế đến chùa đó, tuyên hỏi nghĩa lý, Sư biện luận tinh xảo vừa ý nhà vua. Khi đó, ngay tại ngự tiền, ban tặng Sư y pháp Ca-sa-tía, Sư nhất định không nhận. Sư giảng dạy dẫn dắt suốt hơn hai mươi năm. Những lúc rảnh giảng thì ngài hành đạo lễ Phật. Thường ngày chỉ ăn một bữa, thương tưởng nhẫn nhịn đối với mọi vật, ít khi gặp Sư có vẻ tức giận. Đến niên hiệu Hiển Đức thứ 3 (956) thời Hậu Chu, Sư bị bệnh mà qua đời. Kẻ tăng người tục buồn thương kính mến, xây dựng tháp mà thờ Sư.

**16. Truyện Tông Quý chùa Long Hưng ở Hàng Châu đời Hậu Hán:**

Thích Tông Quý, họ Du, người ở xứ Lâm An. Thuở bé, Sư mạnh mẽ, tâm trí cứng rắn ngay thẳng. Một hôm nọ, sét đánh vào cây cổ thụ ở cạnh nhà, Sư bị té ngã, có người chị là Cô Ni ôm chầm lấy chân Sư, xem xét rồi bảo: “Đây chẳng phải là do sét đánh chết, sẽ có lúc sống lại”. Đến chập tối, Sư sống lại, bèn khuyên Sư xuất gia.

Ban đầu, Sư phụng thờ chư tăng ở chùa Hàn Bình, sau Sư đến Cù Châu, tham học luận danh số với luận sư Cự Tín, rành rẽ văn nghĩa, khó lòng khuất phục, sắc bén như mũi nhọn. Mãi đến lúc, Sư trở lại Hàng Châu trụ chùa Long Hưng, Sư được mời giảng đạo. Bấy giờ, Tăng Chính Uẩn Nhượng Cấp Tuệ tung hoành đối địch hai mặt, cùng với Lư Khâu Phương Viễn tiên sinh, La Ẩn ở Giang Đông làm bạn giao kết chẳng phản nghịch, trông thấy Sư mà tỏ bày han hỏi. Sư bèn làm hai trăm lời mà chỉ dạy, Tăng Chánh Uẩn Nhượng vô cùng khen ngợi, bèn thỉnh Sư giảng đạo hơn bốn mươi năm. Do từ Sư xuất sanh ra có đến bảy, tám trăm vị đệ tử.

Đến năm Mậu Thân, thuộc niên hiệu Càn Hựu thứ nhất (948) đời Hậu Hán, Sư bị bệnh qua đời tại phòng.

Lúc còn sống, ban đầu Sư lần lượt giảng đạo, gặp một người khác thường, Sư bèn nói tiếng Hồ hỏi về các kinh luận từ Tây vực chưa truyền đến Trung Hoa. Cả chúng đều kinh ngạc. Sư bị lừa hai mắt, ban đêm cảm kích ánh sáng thần soi rọi, ngài đọc xem các tác phẩm của thầy xưa, bảo rằng: “Thật rất đáng xem”. Ngài bèn soạn thuật các bộ: Vĩnh Tân sao Thích Bát Nhã Tâm Kinh, Huy lý sao giải Thượng Sanh Kinh, Di-lặc thành Phật kinh, sơ sao Bồ Du, sao khuyết các biệt hành nghĩa chương v.v... tất cả có đến vài mươi quyển, và đều lưu hành ở đời.

Cuộc đời Sư, đạo hạnh cô tịch, tánh tình ngay thẳng, ít nói năng, khí mạo cao vợi. Thệ chẳng đến nhà thế gian. Cho đến người tuổi già khẩn thiết thỉnh mời, Sư cũng ít đến nhà thế tục, Sư sống chỉ thường không, an nhiên tự tại, chăm chăm tay chẳng rời quyển kinh, vui sống với đạo đến cùng. Hiện nay tông này rất đông nhiều, đệ tử giảng đạo không dứt.

**17. Truyện Trí Thuyên viện Quán Âm ở Phủ Ngụy đời Hậu Hán:**

Thích Trí Thuyên, họ Trương, người xứ Vĩnh Tế, thuộc Đồng Đài. Năm chín tuổi, Sư xuất gia thờ thầy tại chùa Vương Xá Thành ở Lâm Thanh thuộc Nghiệp Đô, đến lúc thọ giới cụ túc, thân khí Sư cao vợi,



tám thước khác thường, sắc mặt như ngọc đẹp, đi đứng thư thái tự ngỗng trời, tiếng nói như chuông vang. Mọi người trông thấy đều kính sợ và ngợi khen: “Thật là đáng trọng phu tốt lành!”

Ngài thường trì tụng các kinh, ngày ba thời, đêm ba thời, lễ Phật không thiếu. Bốn sư biết Sư là bậc pháp khí nên bảo Sư qua Hoạt đài tìm đến pháp tòa của pháp sư Huy ở chùa Minh Phước. Tròn một tháng thì Sư thấy rõ thể dụng của các pháp, mừng vui mà chẳng tự nhậm. Bấy giờ, môn sanh tài giỏi của pháp sư Huy có đến vài mươi vị đều xuất sanh dưới Sư, người ở Tuần Tuy Dương thỉnh Sư giảng. Sau đó không lâu, Sư lại đến Đông Kinh, gặp một vị tín sĩ bỏ cả nhà cửa tài sản tạo lập viện Vạn tuế bách pháp. Do đó mà ở kinh đô Lạc Dương các vị Trần Hứa, Từ Tú, Duy Thanh, Cầm Đài đều ưa thích thỉnh Sư giảng pháp. Tự khi nhóm họp thiết lễ cúng dường, trước sau có đến ba mươi vạn vị tăng thọ chúng. Ba gia đình Thiên Hùng, Quân Đới, Trương Quách cùng nhau kiến tạo viện Quán Âm, rồi thỉnh Sư ở đó.

Sư tánh tình thông minh lanh lợi, trước sau giảng luận bách pháp có đến trăm lần. Mỗi lúc lên pháp tòa Sư chẳng xem đến bản văn, huyền thuật biện luận mà cấp ứng. Sau ba lần xem qua Đại tạng kinh để bổ giúp thêm phần tri kiến, Sư phúng tụng kinh chú, thường nghe ngoài cửa nhà vắng teo có tiếng búng ngón tay. Đó là cảm kích đến quỹ thân khen ngợi vậy! Ngụy Soái Trần Quân Tư Nhượng, dốc chí qui y, kính dâng y tía, tôn xưng Sư danh hiệu là “Quy Chánh”. Đến năm tám mươi mốt tuổi mà khắc chí học Âu Vương thư thể, chỉ vào được năng diệu. Có người hỏi đến thì Sư bảo là “Tôi tập học chữ lai sanh”.

Đến niên hiệu Hiển Đức thứ 5 (959) thời Hậu Chu, với tuổi tám mươi ba, Sư gọi đệ tử Phụng Yến v.v... phó chúc mọi việc, bảo làm một chiếc kiệu gỗ, liệm rồi đưa đi trà-tỳ. Đến ngày 11 tháng 11 năm đó, Sư thị tịch, nghinh phụng nhục thể vào tháp gỗ, nâng cao hơn ba trượng. Đang lúc phóng lửa trà-tỳ, có hạc trắng kêu buồn, mây tím giăng phủ phía trên, thấu nhật xá-lợi, xây tháp cúng dường.

### ***18. Truyện Hạo Đoan chùa Linh Quang, ở Tú Châu đời Bắc Tống:***

Thích Hạo Đoan, họ Trương, người ở xứ Gia Hòa. Năm chín tuổi, Sư bỏ nhà vào tịnh xá Linh Quang, thấy Sư trao cho kinh pháp, như ôn lại đã học trước kia. Đến năm hai mươi tuổi, Sư đăng đàn thọ giới cụ túc.

Sư tìm đến chùa A-Dục Vương ở Tứ Minh, gặp luật sư Hy Giác

đang thanh hành mở mang luật Nam Sơn. Sư xem qua một lượt thì thấu suốt nghĩa môn, không còn bị khuất lấp. Sư lại tìm đến pháp sư Kim Hoa Vân, học danh số nhất chi và kinh Pháp Hoa. Sau, Sư nhận lời mời giảng luận cho chư tăng ở năm nơi của Ngô Hưng. Võ Túc Vương đồng họ Tiền ở Lương Triết mời Sư đến chùa La-hán ở Vương phủ để giảng dạy. Sau lại mời Sư đến Chân thân tháp tự hoàng truyên Đại Đạo. Bấy giờ có bậc thầy ở Thai Giáo là ngài Huyền Chúc, tông ấy gọi Ngài là vị tổ thứ 10. Sư đến đó nương tựa cầu học và quả nhiên thấu rõ “Nhất Tâm Tam Quán”. Sư bèn soạn bộ Kim Quang Minh Kinh Tùy Văn Thích, mười quyển. Do đó mà pháp yếu của hai tông một đường cùng thông. Trung Hiến Vương họ Tiền dâng tặng y tía, riêng ghi Đại Đức, xưng hiệu là Sùng Pháp.

Sau Ngài thệ ước chẳng ra khỏi cổng chùa, kính mến Sư không vượt qua khe giống như ngài Tuệ Viễn trước kia, thật cao thượng thay sự việc đó! Căn trọng hơn hai mươi năm, Sư thân không mặc áo dài, miệng không ăn thức ngon và no đủ, ở không cấp giúp quan tọa, chỉ một chiếc giường.

Đến niên hiệu Kiến Long thứ 2 (961) đời Bắc Tống, ngày 18 tháng 3, Sư thị tịch tại phòng, thọ bảy mươi hai tuổi, năm mươi hai hạ lạc. Sau ba ngày mà nhan sắc dung mạo Sư vẫn tươi tỉnh như lúc sanh tiền, bèn trà-tỳ ở phía Tây tháp, sau khi lửa tàn thân nhật được nhiều xá-lợi.

Sư soạn thuật các thứ truyện, Lục Ký Tán bảy mươi quyển, chỉ có tám mươi người thọ học được pháp môn của Sư. Sư có tánh tiết tháo, không nói năng cầu thả. Ngài lại không bàn nói chuyện thế gian, chỉ đem Phật pháp làm việc chính của mình. Thật có thể gọi là chấp cánh thêm cho voi chúa vậy. Bí thư Lam Tiền Dục đã từng trông coi Tú Quận, đích thân trông thấy tiêu cách của Ngài, bèn vì soạn thuật Hành Lục.

### ***19. Truyện Phó Chương chùa Thiên Thanh, ở Đông Kinh thời Bắc Tống:***

Thích Phó Chương, họ Bành, người ở xứ Khai Phong thuộc Đông Minh, Cha là Nhân tức Thượng Nông ở ấp điện. Ngoài sự trần lao, chánh kiến chẳng hồi, Sư thường đọc kinh Phật, thấu hiểu Huyền Chỉ, mẹ Sư họ Hình, mộng thấy vào trong pháp vũ đưa tay mân mê các thứ đạo khí mà mang thai Sư. Bà bảo với cha Sư cho biết là mang thai con là bậc phi thường, đồng thời chỉ vào bụng và phát thệ sẽ cho đi xuất gia.

Sau khi hạ sanh, cha mẹ nuôi dưỡng Sư đến mười một tuổi, mới đến lễ bái ngài Bí Công là bậc thầy thông hiểu tông Duy Thức ở trong

ấp, tôn xưng làm thầy, ngài Bí Công chỉ một lần trông thấy đã lấy làm lạ, ban đầu trao cho Sư ba bộ kinh Tịnh Danh, Nhân Vương và Pháp Hoa. Đến lúc xuống tóc, bỏ xứ Chu La, Sư theo ngài Bí Công đi đến Ngũ Đài lễ bái thánh địa, nơi Bồ-tát Văn-thù ứng tích. Năm đó, Sư thọ giới cụ túc. Ngay ngày Tức Từ, Sư bèn đến dưới tòa pháp sư Thanh Lăng ở Lăng Giao nghe giảng kinh Pháp Hoa. Sau, Sư đến pháp sư Đạo Nhã ở Tuy Dương Ôn lại nghiệp cũ, tìm học Duy Thức ở Bồn sư. Sư rất cố gắng tỏ rõ ý nghĩa tân pháp thủy, lại gần gũi Phó Tăng lục Thông tuệ. Nhân Minh cho đến Cực chương. Thường ngày tụng ba kinh, và gồm hai giới bốn. Sư giảng suốt, dạy đồ đệ chúng đến hai mươi năm không lúc nào ngừng nghỉ.

Khoảng niên hiệu Quảng Thuận (951 - 954), thời Hậu Chu, Đại sư Quảng Trí với chức Tả Nhai Tăng lục đề cử Sư lên Chu Cao Tổ (Thái Tổ; Quách uy) ban tặng Sư y tía. Đến niên hiệu Càn Đức thứ 2 (964) thời Bắc Tống, ngài Đạo Thâm với chức Tả Nhai Tăng Lục lại đề cử Sư lên vua Thái Tổ, Thần Đức Hoàng Đế ban tặng Sư hiệu là “Nghĩa Minh”. Bỗng nhiên, Sư hiện bệnh mà qua đời tại Bồn Viện, thọ năm mươi lăm tuổi, ba mươi sáu hạ lạc.

Trước lúc thị tịch, Sư bảo lấy bút viết kệ khuyên răn ở đời và tặng cùng những người bằng hữu thân quen. Sư độ được mười lăm vị đệ tử. Ngày 16 tháng 11 năm đó (961), Nam Nguyên ở Bốc Kinh dùng pháp trà-tỳ, sau khi lửa tắt, còn lại chiếc lưỡi không cháy, chứng đều ngợi khen giới đức của Sư. Môn nhân và các vị thiện tín cùng nhau xây tháp thờ. Vào niên hiệu Khai Bảo thứ 5 (972) thời Bắc Tống, trước kia cha Sư thường chuyên trì tụng Kinh Pháp Hoa, sau khi qua đời, hỏa táng cũng còn lại chiếc lưỡi không cháy. Hai cha con Sư đều có ứng nghiệm, thật là ít có! Đại sư Thanh Tuệ ở chùa Tướng Quốc soạn bài Minh ở tháp này.

#### ***20. Truyện Kế Luân viện Phật Sơn, chùa Sùng Phước, ở Kinh Châu, thời Bắc Tống:***

Thích Kế Luân, họ Tào, người ở xứ Tấn Dương, thuở bé chí khí Sư đã mạnh mẽ, tâm nguyên bền chắc, quyết cầu xuất gia. Bồn sư trao cho bộ kinh Pháp Hoa, mỗi ngày tụng niệm ba tờ, bảy giờ trí tuệ đời trước của Sư hơn người.

Sau khi đăng đàn thọ giới cụ túc, đến năm hai mươi một tuổi, Sư học thông nghĩa lý sâu mầu của kinh Pháp Hoa. Đối với hai bộ luận Duy Thức và Nhân Minh, chỉ một lần xem qua thì Sư có thể giảng được. Do

đó mà Sư soạn sớ sao của hai bộ đó. Đến nay tại Hà Đông lưu hành rất thịnh. Tại ba giảng tòa, thường có hơn một trăm năm mươi đồ chúng theo Sư học đạo. Sư lại soạn bộ “Pháp Hoa Sao” ba quyển, là người luân tu đức từ nhần thành tánh, khuôn phép giới đức vững chắc, mọi người trông thấy đều sanh tâm kính phục. Vì họ Lưu cứ có Tịnh phân rất trọng đạo hạnh của Sư, đặt hiệu là Pháp Bảo Lục Hữu Nhai Tăng Sư, khoan mảnh tướng tham kiến nhau mà không dám chống trái.

Tháng 11 năm Kỷ Ty, Sư bị bệnh, tâm cầu miệng phát nguyện sanh lên tầng trời Tri Túc. Sau khi Sư thị tịch, đánh đầu ấm nóng đến nửa ngày mới lạnh. Năm đó là niên hiệu Khai Bảo thứ 2 (969) thời Bắc Tống, Sư thọ năm mươi một tuổi. Sau khi trà-tỳ thân nhật có được Xá-lợi, mọi người xa gần xin thỉnh về cúng dường.

### **21. Truyện Nghĩa Sơ chùa Khai Nguyên ở Tê Châu, đời Bắc Tống:**

Thích Nghĩa Sơ, họ Bùi, tổ tiên Sư người xứ An Dương thuộc Tương Châu. Năm lên bảy tuổi, Sư đến tỉnh xét lâm Đan Đại Đức Tu Tấn. Nhân đó làm thầy xuất gia, ngài Tu Tấn là bác của Sư. Còn chú của Sư là ngài Tĩnh Luân ở viện Hương Nghiêm.

Ngài Tu Tấn tụng kinh Pháp Hoa Phẩm Quán Thế Âm Bồ-tát Phổ môn đến mười muôn, lập nguyện lạy kinh Pháp Hoa mỗi chữ mỗi lạy đến trọn bộ. Ngài Tĩnh Luân là chúa tể Thanh Khê, trong lúc ngồi thiền tụng chú Đại Bi Phật Đảnh trọn một ức biến.

Sư thì cầm búa chặt cây, chứa nhóm tư lương, đến đây Sư gần viên mãn, Sư chăm chỉ học không biếng lười, mẫn tuệ sớm thành. Yếu nghĩa tông Câu-xá. Sư thông suốt đến cùng. Bèn truyền giảng các bản sớ giải của ngài Viên Huy khoảng mười biến. Sau, Sư xem qua Đại Tạng kinh ba lượt, mới bùi ngùi than rằng các vị Nho sĩ dùng văn của Phật giáo mà phần nhiều giải sai. Giải đã sai như vậy, dụng sự lại lăm lăm lạc. Sư mới phỏng theo lục thiếp của Bạch Lạc Thiên Toàn ghi chép nghĩa lý văn chương Phật giáo. Nhiều sự lăm phẩm, sắp theo từng loại, lập thành môn mục, tổng quát đại cương. Tính ra có đến năm mươi bộ, tùy sự nêu riêng bốn trăm bốn mươi môn. Từ đầu là Pháp Vương lợi kiến bộ cho đến cuối cùng là Sư tử thú loại bộ. Trong đó các thú vật loại xem xét bao gồm đầy đủ. Khiến đến lúc xếp bút hẵn không thiếu sót gì. Ròng rã suốt mười năm, Sư chăm chăm không biểu lộ mỗi mảy. Bắt đầu từ niên hiệu Khai Vận thứ 2 (945) đời Hậu Tấn, đến niên hiệu Hiển Đức thứ 1 (954) thời Hậu Chu thì hoàn tất công trình. Vua Thế Tông sắc phong

cho Sư chức Phó sứ quán, ban tặng y tía, tôn xưng hiệu là “Minh Giáo Đại Sư”. Khoảng niên hiệu Khai Bảo (968-976) thời Bắc Tống, Sư tịch tại chùa Lung Hưng, thọ bảy mươi bốn tuổi, năm mươi bốn hạ lạc. Ban đầu, Sư có ý định hễ được thì được bèn viết, bớt bên nhiều thêm cho bên ít, chứa nhóm nhiều năm tháng, trở thành biên lục. Bỗng nhiên tại cửa bốn viện, trên tảng đá xưa có hai chữ “Lục Thiếp” tự nhiên rõ ràng. Trông thấy bùa binh này mới biết là túc định, Sư tìm tòi cái đời nay quay vẫn cái đời xưa, viết chẳng dừng nghỉ. Bấy giờ, khu mật tướng quốc Vương Công Phúc vì Sư mà soạn lời tựa đặt ở đầu quyển, nay lưu hành khắp thế giới. Đầu tiên, Sư soạn thuật, tâm trí cũng nhọc mệt dừng nghỉ và hai mắt bị mù, các thầy thuốc không chữa trị được. Sư bèn gia tâm sám hối lỗi lầm, lo nghĩ sàng lược Giáo văn phiên toái, lượng xét mọi sai sót. Bền chặt như vậy, lại không lúc nghỉ. Đến năm sau thì đôi mắt sáng trở lại. Mọi người cho đó là sự chứng cảm.

### **22. Truyện Ngô Ân viện Từ Quang ở Hoàng Châu đời Bắc Tống:**

Thích Ngô Ân tự là Tu Kỷ, họ Lộ, người xứ Thường Thục, thuộc Cô Tô. Mẹ Sư họ Trương, mộng thấy có vị Phạm tăng vào trong nhà mà mang thai Sư. Đến lúc, Sư mới độ tuổi nhi đồng, hễ thấy bóng dáng các vị Sa-môn thì Sư đứng dậy đón rước. Năm mười ba tuổi, Sư nghe tụng kinh Di-đà, bèn cầu xin xuất gia. Bà con thân thuộc, nhiều người mến thương đã đôi ba phen cản trở. Sư bèn tìm đến chùa Hưng Phước ở Phá Sơn cầu học. Khoảng niên hiệu Trường Hưng (930-934) thời Hậu Đường, Sư thọ giới cụ túc, rồi Sư đến chùa Tuệ Tụ ở Côn Sơn học luật Nam Sơn.

Đầu niên hiệu Thiên Phước (936) thời Hậu Tấn, Sư học kinh luận với ngài Huệ Lý, Hạo Đoan. Tánh Sư khéo cao hiểu thiên nhiên. Bấy giờ đồng bạn đua nhau bắt bẻ chống báng. Sau Sư vừa nghe thuyết ba Quán, sáu Túc của Thiên Thai, thâm hợp hiểu ý. Khoảng niên hiệu Khai Vận (944-947) thời Hậu Tấn, Sư đến viện Từ Quang ở Tiên Đường của ngài Chí Nhân, nghe giảng suốt hết năm, thông đạt Kinh Pháp Hoa, Kim Quang Minh, Luận Chỉ Quán đều suốt thấu huyền vi. Sư bèn thuật lại, các đệ tử theo thứ lớp đứng ở góc cạnh.

Ngày mồng 1 tháng 8 năm Ung Hy thứ 3 (987) đời Bắc Tống, đang trong đêm, Sư thấy ánh sáng mầu trắng từ dưới giếng phát lên, sáng tắt chẳng thường. Ngài báo cùng môn nhân rằng: “Sanh báo của ta đến đây là cùng cực!” bèn tuyệt thực, không nói điều gì, chỉ nhất tâm niệm Phật. Tiếp đến Sư mộng thấy có vị Sa-môn ôm áo nạp bưng lò vàng đốt

hương đi nhiều quanh thất Sư ba vòng và tự nói “Tổ sư Quán Đảnh đến đây cùng đón rước, người nên đi vậy”. Sau khi thức giấc, Sư gọi đệ tử đến thì vẫn còn nghe mùi hương lạ. Đến ngày 25 tháng 8 năm 987, Sư nói cho các đệ tử nghe về Chỉ Quy của Chỉ Quán và Nghĩa quán tâm. Đến giờ Thìn, Sư ngồi thẳng, xoay mặt về hướng Tây mà hóa, thọ bảy mươi lăm tuổi, năm mươi lăm hạ lạc.

Đêm đó, Chư Tăng trong viện, có các vị như Hưng Văn Yển v.v... đều nghe giữa hư không có tiếng ti trúc lạnh lớt, mà không có tiếng trống, lại có nhiều linh chuông, càng lâu càng xa dần, thưa thớt đi về hướng Tây. Đến ngày mồng 9 tháng 9, y theo pháp trà-tỳ của Tây Vực, thân nhật được xá-lợi các màu xanh trắng vô số viên tròn.

Lúc còn sống, thường ngày Sư chỉ ăn một bữa, chẳng lia y bát, chẳng cất chứa của cải. Nằm thì nghiêng về hông bên phải, ngồi thì luôn kiết già. Các đệ tử cất nhà ở cũng giống như thiền thất ngày nay. Sư lập chế nghiêm mật, ngày riêng trông xem, đến lúc minh tướng xuất hiện mới cho tịnh nhân cúng thí cháo. Đã từng có người vào lúc chiều tối uống nước củ mài, tức thì Sư đuổi ra khỏi Hoàng Đường. Mỗi lúc Bồ-tát thì Sư rơi nước mắt lau không thôi. Bởi vì nghĩ đó là lời của Đại tập Mãn Châu vậy. Riêng đối với người, Ngài đem Di-đà tịnh nghiệp cứu giúp việc sanh tử mà chỉ dạy. Những người thọ giáo được vãng sanh thường có cảm ứng điềm lành. Hễ nói chuyện với người, bất luận là hiền hay ngu, Sư đều đem nhất thừa viên ý mà chỉ bày cho. Nếu có người sanh nghi quái chẳng hợp cơ duyên, thì Sư bảo là “cùng làm duyên trống độc”. Sư chẳng ưa thích xen tạp giao du, chẳng thích nói chuyện thế tục. Tuy có những người giàu sang phú quý, Sư cũng chưa từng hỏi đến chỗ ở, hướng gì là bước tới cửa nhà.

Nguyên trước kia Giáo Nghĩa của Tông Thiên Thai bị phá hủy vào thời Pháp nạn thuộc niên hiệu Hội Xương, nên văn nghĩa thiếu sót. Ngôn từ Đàm Diệu chìm mất chẳng hiện, Sư bèn tầm lục, giải thích đầu đuôi của thập diệu, nghiêm xét chỉ thú của Ngũ Trùng, giảng Đại Huyền Nghĩa văn cú Chỉ Quán hơn hai mươi lượt, giải hạnh gồm sáng tỏ, mục tức song vận, khiến Đại Chỉ Kinh Pháp Hoa được toàn mỹ lưu hành ở đời. Đó là do năng lực của Sư vậy! Lại buồn nỗi khoa tiết của người trước cùng với chỗ ghi của ngài Kinh Khê không được phù hợp nhau. Nhân đó ngài thuật Huyền Nghĩa văn Cú Chỉ Quán, Kim Quang Minh, Kim Tỳ luận khoa, tổng cộng có ba mươi lăm thiếp hiện lưu hành ở đời. Ôi! Trong sông Hán có cá vượt dòng mà nhảy lên ư? Ở Tiềm Vịnh có chỗ lấy! Ngài Ngô Ân chẳng khoan dung thừa giới mà lưu xuất

đệ tử có đến mười bảy vị, cầu hiểu mà hành theo hạnh của Sư vậy.

**23. Truyện Nghĩa Tịch viện truyền giáo ở Loa Khê thuộc núi Thiên Thai, thời Bắc Tống:**

Thích Nghĩa Tịch, tự là Thường Chiếu, họ Hồ, người xứ Vĩnh Gia, thuộc Ôn Châu. Mẹ Sư lúc mang thai, bảo rằng: “không thích ăn các thứ máu thịt tanh nồng”. Lúc sanh Sư, trên đầu quấn khăn màu tím. Từ thuở bé, Sư xin cha mẹ quyết chí xuất gia. Lúc vào chùa Khai Nguyên, thầy Sư trao cho bộ kinh Pháp Hoa, vừa mới tròn một tháng mà Sư thấy suốt. Các bậc Lão túc trong chùa đều ngợi khen là ít có.

Sau khi thọ giới cụ túc, Sư tìm đến Cối Kê, học Nam Sơn luật sao. Khi đã thông nghĩa Luật tạng, Sư đến núi Thiên Thai, nghiên tầm Chỉ Quán, đều dễ hiểu như của Ngài Nhất Biến Chiếu ở Hà Nam. Nguyên trước đây, giáo tích của ngài Trí Giả, xa thì giặc An Sử tàn phá, gần thì bị pháp nạn Hội Xương thiêu hủy, làm cho rách nát lẫn lộn pho quyển. Người trao quyển không do đâu mà y cứ đầu mối học thuyết chánh đáng ấy. Sư bèn suy nghĩ tập hợp lại. Sư đến trong cổ tạng Kim Hoa, thì chỉ có được bản Kinh Tịnh Danh Sơ mà thôi. Sau Sư khẩn khoản báo cùng thiền sư Thiều giao phó người bằng phương tiện đi truyền đến nước Nhật Bản, cầu thỉnh mới được đủ, những người nghe nhiều biết rộng. Người học tông này nắm giữ nửa hạt châu làm gia bảo. Ngài bèn đến chùa Quốc Thanh, Đạo Tràng Phật Lũng liên tiếp giảng dạy, khiến Hứa Vương dòng họ Tiền ở Lương Chiết nhiều ngày thỉnh Sư khai giảng, riêng đặt tôn xưng là Tịnh Quang Đại sư và dâng cúng y. Ngài khước từ chẳng nhận vì chẳng xứng đáng.

Đến lúc ngài phát khởi tại đạo tràng Loa Khê, thì người học khắp nơi đua nhau tìm đến như mây nhóm. Niên hiệu Thái Bình Hưng Quốc thứ 5 (980) thời Bắc Tống, triều đình điều suốt truy ngũ kinh nghiệp, Sư từ núi vào chùa Châu Trì, được an trí tại Đông Lâu của chùa, Lầu ở gần núi lớn. Ban đêm Sư mộng thấy cột chùa đổ ngã giữa đất, trong ý Sư cho đó là điềm xấu, bèn tự đi đến tầng phòng ở phía Tây. Đêm đó, mưa xuân rất lớn làm cho núi đổ lở, lầu sập, mọi người đều cho rằng: “Điều thấy trước của Sư là do đồng tu mách bảo. Nhân đó, Sư nhận lời mời của người ở ấp Hoàng Nham mà đi thuyền dọc theo sông, phóng sanh và giảng phẩm Lưu Thủy Trưởng giả. Đến cửa biển nơi tảng đá linh, đó là đạo tràng xưa kia ngài Trí Giả cư trú vào mùa đông, Ngài khuyên người sửa chùa, đắp họa tôn tượng, có nhiều người hợp duyên, lệnh trên khiến Cao Phẩm Vệ Thiện Khâm vào núi xây dựng lại chùa Thọ Xương. Các

quan đều vâng lệnh thọ giới Bồ-tát.

Đầu niên hiệu Ung Hy (984) thời Bắc Tống, ở huyện Vĩnh An tỉnh Sư đến chùa Quang Minh để truyền giới. Tôn tượng trên chánh điện xưa cũ bị hủy nát, từ trong lòng tượng có được bài Phát nguyện: “tức vào niên hiệu Hàm Thông thứ 6 (865) đời Tiền Đường, do Sa-môn Hy Kiểu thí giới, Ngài khuyên người thấp hương đắp họa tôn tượng, nguyện xả bỏ báo thân này làm thân người nam, đồng chân xuất gia, thường mặc áo vải thô sơ, truyền pháp làm lợi lạc chúng sanh v.v...” Mọi người trông thấy, trong ý đều cho là tiền thân của Sư. Đến niên hiệu Ung Hy thứ 4 (984), các ấp Lâm Hải, Tấn Vân, Vĩnh Khương, Đông Dương tỉnh Sư thí giới. Tháng 9 năm đó, Sư đến từ Thái Mạc, qua tháng 10, Sư bị bệnh tại phương trượng, trong viện này. Đến ngày mồng 4 tháng 11, Sư răn bảo môn nhân không cho khóc than. Nếu ai cúng tế, duyên theo lễ thế tục thì chẳng phải là đệ tử ta. Các đệ tử an táng trong phương trượng, xây một ngôi tháp nhỏ. Sư thọ sáu mươi chín tuổi, năm mươi hạ lạc. Đệ tử truyền pháp ở bốn phương thấy sao mà xả bỏ đến mấy trăm vị.

Lúc còn sống, Sư vốn giảng kinh Pháp Hoa và Huyền Nghĩa cả thầy có đến hai mươi pháp tòa. Còn các kinh Kim Quang Minh, Tịnh Danh, Phạm Võng v.v... các luận Chỉ Quán, Kim Tỳ, v.v... các pháp quán: Pháp Giới Hoàn nguyên, v.v... Thiền Nguyên, Thuyên Giải Vĩnh gia tập, mỗi thứ vài biển. Ngài soạn thuật Chỉ Quán Nghĩa Liệt, Pháp Hoa thập diệu, Bất Nhị Môn, Khoa Tiết vài quyển.

Từ khi ngài Trí Giả thị tịch, trải qua sáu đời truyền pháp, đến sau ngài Trạm Nhiên, tất cả có đến hơn hai trăm năm. Sư thọ nhận ký thác thật là một gánh nặng. Nó như lửa nóng ngùn ngụt, giảng suốt mà không thấm ướt mồ hôi. Từng chẳng nghe lâu mà thấu hiểu Phật thừa, mỗi lúc đàm giảng thì như gõ vàng ngọc ứng chiêu hòa cùng Vũ Thương. Ở đó suốt chín tuần giảng nói diệu tướng lâu biết ngần nào! Sư còn trụ tại chùa A-Dục Vương ở Tứ Ninh, mộng thấy đi đến chùa Quốc Thanh, ở phương trên có tòa báu, cờ phướn trang nghiêm, đề chữ “Đài Văn-thù” có lan can song chắn ngăn cách, muốn vào nhưng không được. Bỗng chốc Sư thấy Bồ-tát Quán Thế Âm trong pháp đường từ từ đi ra, duỗi tay thấp xuống xa cùng đón rước. Trong chốc lát, cảm thấy đã cùng Bồ-tát Quán Thế Âm cùng hợp nhất chẳng phân, nhân đó thức giấc. Từ đó trở đi, Sư thường vui thích, giảng nói không cùng. Hoặc bảo: “Nhập Trí Phổ Môn, Nương Tâm Bi Lợi vật, trên hợp với Trí Giác chư Phật, chứng đạo vô thượng, dưới hợp với chúng sanh đều cùng một, khai mở thì muôn



vàn sanh linh chung thành một pháp. Người thành tựu tâm như vậy, nếu chẳng là Quán Thế Âm, thì là ai ư? Vì thế nên giảng đàm, thí giới. Từ quê hương Âu Việt cho đến Tam Thiên Tử Chương, dân chúng phần nhiều trái lệ tục tình ưa chuộng săn bắn mà được, sự chỉ dạy của Sư, đều ăn quả dâu cách âm, Công đức nói pháp, đó gọi là Thiện Kiến. Do đó ở nơi phòng nhà đều thấy đề là “Trừng” (lắng trong), hoặc là “Bảo Tường”, hoặc là “Nghĩa thông”. Cho đến dân chúng ở Hồ Châu đã từng thọ giới pháp, đón rước chân tướng đến chùa Khai Nguyên ở Châu Trì để cúng tế, đều mặc mạc đờn sơ buồn khóc, trời vì thế mà biến đổi thẳm sâu. Đó là do sự cảm kích, bởi tâm từ nhiếp hóa của Sư. Quan Tri Châu Trịnh Công Nguyên Quy làm thơ buồn thương đến điều viếng.

**Luận rằng:**

Huyền mặc rữ văn, bậc Thánh cúi xét. Dòng Hà Lạc có cáo, pháp của Đồ thư làm trình. Nhà Vũ nhận bùa linh để làm kinh vĩ, vốn hơn sáu mươi chữ. Dạy văn bày rõ gọi là Hồng Phạm, mở bày được Đạo thường mà thư thả từ pháp của Đế vương, rõ ràng có thể thấy, các nhà mô phỏng chuộng lấy tông này. Trong Phật Đạo của ta có thể không như vậy ư?

Giáo pháp từ Tây vực truyền đến như văn của Quy mã vừa biện luận. Thanh giáo nhờ đó phát triển, như cái đẹp của Hạ Thương mà cất nhắc. Đến lúc nó được giảng dạy cùng sanh ra lẫn nhau, nhân đó mà chia ra khác dấu, mỗi tranh chuyên môn, bố thí xảo trí ấy chẳng lớn, đến chỗ huyền hợp của tuệ tâm. Có thích nghi chăng? Người có được chánh tín sẽ mở khai mắt chánh, người thấy được chánh đạo sẽ phụng sự chánh tu. Ngược lại nhân vốn có trước thì dùng sự lựa chọn làm chính, phạm là giáo điển năng thuyên tức dụ như Đồ thư, lý nghĩa sở thuyên dụ như dạy dỗ theo thứ lớp. Kinh dung hợp vĩ vào thì vĩ biến mà kinh còn, khiến danh ngôn phô bày từ nghĩa thể đưa đến xen tạp. Duy thức đều trút cho ngài Hộ pháp mà thành thì ở Tư Nam, am Bà-sa có ở các vị Sư khác nói đồng chữ Diễn. Bởi vì đều mê nơi sự thấy biết của mình nên chưa cực thành. Nói chánh và bất chánh khôi phục phơi bày, huyền lại bàn về huyền mà quật khởi. Đại để, Pháp vốn không danh tướng, lấy làm nói danh tướng, chẳng như sắc pháp ảnh chất dễ tầm, danh sắc xen nhau mừng sanh mê cạnh. Bởi vì lời còn, một ý, nghĩa chỉ một đường. Tùy tình mà lúc lấy bỏ chưa là thực đáng, tùy chỗ chuyển lý môn, bởi vượt qua vô văn, lại thêm giáo có buông giữ, cửa ý rõ lược. Người thảo tâm nếu chẳng là anh minh thì không thể ngộ. Người thừa lãnh chẳng là hạnh vị thì làm sao biết? Ở người mất sách thì dùng giáo

mà chiết trung, nên trong luận dùng bốn thứ để nêu bày Lý. Lý thì khó ỉn. Bốn thứ đó là: quán Đãi, tác dụng, pháp nhĩ và chứng thành. Dùng đạo lý ấy, nghĩa há mê hoặc ư?

Thí như anh A xoay lưng về phía mọi người mà đi tối, có hai, ba người cùng hỏi nhau rằng: “Người đi đó là ai vậy?” Một người bảo là B, một người bảo là C, đó đều chưa đúng, trong khi đó có người biết, nói là “anh A”. Người ấy xoay mặt lại thì đúng thật là anh A, chẳng phải là B hay C. Vì các người kia không biết, chỉ gọi một tiếng, nên có nhiều tên gọi, còn với người biết, chỉ gọi một tiếng, thì liền ứng thanh mà đến. Thân gần được tự thể chẳng trải qua các duyên khác, nên gọi là “tinh nghĩa không hai”. Nhân nơi nghĩa mà sanh ra hiểu, hiểu thì hư thông. Trừ sự chấp tình, khiến sanh chánh giải, dứt sự mê chấp. Chấp tình đã dứt thì sở chấp liền hết. Đã sanh ra giải thì dứt chướng, hai lớp dứt nhiễm, y tha viên thành nên được hai thắng quả. Nếu không như vậy thì chấp nhận pháp tương tự, rơi vào đường ác, nhận lấy cái Không, kéo gổ cong nơi rừng đông đúc, bồng bênh dáng thuyền trong biển khổ.

Trong luận Du-già nói khế kinh có hai thể: một là văn, hai là nghĩa. Văn tức là sở y, nghĩa tức là năng y. Gọi chung cả hai thứ đó tức là “nhứt thiết sở tri cảnh giới” (tất cả cảnh giới bị biết). Phạm vi giáo điển năng hóa đã giải thích mà Lý Nghĩa sở thuyên khó ngộ. Nếu chẳng là bậc có tuệ căn từ trước, thì đâu thể hiểu được Kinh Tâm. Tuệ căn từ trước phải huân tu nhiều đời mới có thể sanh khởi. Kinh Tâm là ý của Đại Hùng, há dễ tìm cầu ư? Cách ngôn đó gọi là “già thấy việc lớn”. Đức Phật đã trải qua ba A-tăng-kỳ, hoặc trong nhiều lời, pháp từ các thánh đồng tuyên dương. Đâu thể đem cơn trùng mùa hạ cùng luận bàn qua hết, cá ở trong giếng cùng bàn về vùng biển của nó. Đó thật là không thể được. Hẳn phải gần gũi các Đức Phật, Bồ-tát, pháp sư Thiệt Tuệ dạo chơi trong bốn thứ vô ngại biện, tám biện âm giảng nói lợi ích tự tha, chỉ như Bồ-tát Thiên Thân đem một lời của Đức Thế Tôn, Trung Đạo viên tông lập thành năm vị của các pháp. Như rồng mang các giọt nước mà nổi thành mưa, nhìn vào mầm mống mà ban cấp. Lại cùng sai Bao làm Vĩ ở Xuân Thu, Tạc Độ làm Tư nơi Đại Địch. Đó đều là khéo sự thông biến, có công năng vò mài. Dùng lợi căn mà dạy độn căn, đem chánh kiến mà dẫn dắt tà kiến, đều gọi là “Ma-Ha Bát-Đặc-già”. Ở Tây Vực người lấp cỏ sửa nhà thì dùng lấy lông cừu, kẻ tài tuần cháo sữa ở phương này lại thêm nước. Thành lông cừu thì dễ, hằng ngày trông thấy mà lưu tâm, khỏi được nước thì khó để truyền lại mà cách tay. Xưa kia, dùng người giảng để luận pháp soạn số mà tìm tông. Dùng danh của

thành thật pháp số, phụ nghĩa đủ thiếu của Đại thừa. Trong đó có danh mục giải pháp là tùy sự thấy biết của người, chưa dung thông đầu mối của sáu thích, thì phải báo hóa người có tâm không tâm, hòa hợp những người sợ số, nghe huân diệt bất diệt v.v... có hơn trăm khoa, đều là rề ràng của ba tạng bốn hàm, linh kiện của hai tông đại tiểu, chỗ chẳng quyết của các bậc tiên hiền là điều cùng nghi của triết nhân trong hiện tại, nghĩa là thiếu như chỗ biết mà thành chướng. Đến lúc ngài Huyền Trang từ Tây Vực mang bản Phạn truyền về Đông Độ (Trung Hoa) có đủ Tạng báu Du-Già, mở kho sâu xa Duy Thức. Đại Thừa đủ giết Tam-Ma Minh. Danh số đều là các nhà trước tác, lập pháp định là phi lượng. Như nói đầm sâu rừng lớn thì sanh ra rồng rắn. Có nền tảng Đại thừa, là những bậc tài giỏi, chẳng duyên theo thói quen đời trước, thấy nhiều thì sanh hiểu biết. Đó gọi là Nghĩa Thiên, cho nên ngôi sao sáng bị mờ đó là Lý quật, cho nên Thiện Tài không cửa, đường đường hợp nghi Chu Bể, chèn ép ứng trực Côn Lôn. Có kinh đều giảng, không sợ chẳng thành, quyền gởi tên trăm bốn, đề úp bốn bậc thánh. Lại nữa, ánh sáng, vật báu, lường ư, đo ư? Học chương cú rất dài, Lý Thích tiêm sao đúng? Thế Mậu Châu lâm xa biên Đồ Kỷ, Hoàn Phụ lượng độ cá Kình ở biển, còn tiếp nối Văn Vinh ở Ngọc Hoa, tìm tòi ba Luận đến cùng ở Viện Khương, nghiên cùng Phương Đăng kết quy về Khải Cảnh. Ngài Tuệ Quán soạn tập Hoa Nghiêm mạng chương, giải tướng đưa vào liên hoàn. Vả lại không tỏ vẻ khó khăn, thấu suốt đến lều đoan dứt hạnh, nên lập công dễ. Ngài Pháp Tạng theo tánh hải mà đi, còn Trí Thăng từ Danh Lưu mà ra. Lớn lao thay! Thần thông do Nhất hạnh làm ra, thật là Pháp Vương Tăng Tướng, mới là Bồ-tát hình người. Trung Nhân, Lâm Phủ, Bí Tú, Sần Chân đều tham dự phiên dịch in khắc kinh, cùng khai hoang mở đất, làm xán lạn nơi Tông Mật, tốt lành đổi Trạm Nhiên, Ngô Đạt toàn tài, Thiết Công linh phạm, có thể cầu hoàn bị giúp người ư! Ngoài ra còn có các bậc thượng sĩ khéo léo ở phương khác, tự tại tốt lành cùng có sở trường, sở đoản, dẫn kinh do Phật nói, giải thích kinh là luận, kinh do luận mà hiển bày, luận nhờ sở mà thông rành, sở bao gồm tất cả nghĩa chương, nghĩa do từ các ngài thuật nói, hướng gì dùng nghị lực cách xa, thấy còn chưa hết. Người đã đạt được thì sức thấy biết rộng khắp, biết mới được chu toàn. Mũi tên lúc bắn dễ thông, tìm xét mạch khó trúng. Nếu chẳng phải thân chứng thân nói được tự thể, thì chớ thân rong ruổi vọng cầu ở người, như nhiếp dị môn, phân tướng sai biệt khó biết. Cho nên trong Luận Đại Trí Độ nói: “sau khi ta nhập Niết-bàn, tất cả các tác phẩm đều thuộc về vào luận tạng, đều là các bậc đại sư chỉ

đường về cho kẻ mờ mịt, thấy đều là tích công cầm nắm đuốc sáng, soi rọi nhà tối. Động giới đủ để thực hành, nhập vào định môn mà an. Bởi vì, buộc ràng đã cắt đứt thì trí tuệ thành công, đều từ biển sanh tử mà vượt đến bờ Niết-bàn”. Đây mới có thể cùng nói là: “Từ nghe mà suy tư, từ suy tư mà tu hành chứng đại viên tịch”. Từ đây trở đi, chưa biết chấp danh kẹt nghĩa, thử hỏi phải làm sao? Nên nói rằng: “Tinh nghĩa nhập thân để đạt đến dung!” Đã có chỗ dùng thì bỏ nơm lưới mà đi thẳng đến Phật địa. Đó là chỗ sâu sắc của Phật.